



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

TẬP HUẤN

**MỘT SỐ ĐIỂM LƯU Ý
ÁP DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ THEO
LUẬT QUẢN LÝ THUẾ SỐ 38/2019/QH14,
NGHỊ ĐỊNH SỐ 123/2020/NĐ-CP,
THÔNG TƯ SỐ 78/2021/TT-BTC**

TP.HCM, ngày 15 tháng 10 năm 2021



NỘI DUNG

1

CƠ SỞ PHÁP LÝ

2

KHÁI NIỆM, HÌNH THỨC, LOẠI HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

3

ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

4

ĐĂNG KÝ, THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ



NỘI DUNG

5

LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

6

CHUYỂN DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

7

XỬ LÝ SAI SÓT

8

HIỆU LỰC THI HÀNH, XỬ LÝ CHUYỂN TIẾP



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

1. CƠ SỞ PHÁP LÝ

MỚI

LUẬT

- Luật Quản lý thuế năm 2019, hiệu lực ngày 01/7/2020.

NGHỊ ĐỊNH

- Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, hiệu lực ngày 01/7/2022.

THÔNG TƯ

- Thông tư số 78/2021/TT-BTC, hiệu lực ngày 01/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH

- Quyết định số 1832/QĐ-BTC ngày 20/9/2021 của Bộ Tài chính

TRƯỚC ĐÂY

- Luật Quản lý thuế năm 2006 và Luật sửa đổi năm 2012, 2014, 2016

- Nghị định 51/2010/NĐ-CP, Nghị định 04/2014/NĐ-CP, Nghị định 119/2018/NĐ-CP

- Thông tư số 32/2011/TT-BTC, Thông tư 39/2014/TT-BTC, Thông tư 68/2019/TT-BTC, Thông tư 88/2020/TT-BTC.

- Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23/6/2015, Quyết định số 526/QĐ-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ Tài chính



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

2. KHÁI NIỆM, HÌNH THỨC, LOẠI HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

2.1. Khái niệm:

Hóa đơn điện tử là hóa đơn có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lập bằng phương tiện điện tử để ghi nhận thông tin bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế, bao gồm cả trường hợp hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

(Khoản 1 Điều 89 Luật Quản lý thuế 2019)

(Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



2. KHÁI NIỆM, HÌNH THỨC, LOẠI HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

2.2. Hình thức: 3 hình thức

- Hóa đơn điện tử **có mã** của cơ quan thuế
- Hóa đơn điện tử **không có mã** của cơ quan thuế
- Hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế

(Khoản 3 Điều 89 Luật Quản lý thuế 2019)

(Điểm a Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



2. KHÁI NIỆM, HÌNH THỨC, LOẠI HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

2.2. Hình thức (tt):

- Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế là hóa đơn điện tử được cơ quan thuế cấp mã trước khi tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ gửi cho người mua.

Mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử bao gồm số giao dịch là một dãy số duy nhất do hệ thống của cơ quan thuế tạo ra và một chuỗi ký tự được cơ quan thuế mã hóa dựa trên thông tin của người bán lập trên hóa đơn.

(Khoản 3 Điều 89 Luật Quản lý thuế 2019)

(Điểm a Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



2. KHÁI NIỆM, HÌNH THỨC, LOẠI HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

2.2. Hình thức (tt):

- Hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế là hóa đơn điện tử do tổ chức bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ gửi cho người mua không có mã của cơ quan thuế
(Khoản 4 Điều 89 Luật Quản lý thuế 2019)
(Điểm b Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)
- Hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế là hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã
(Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



2. KHÁI NIỆM, HÌNH THỨC, LOẠI HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

2.3. Loại hóa đơn điện tử: 6 loại

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Hóa đơn bán hàng
- Hóa đơn điện tử bán tài sản công
- Hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia
- Các loại hóa đơn điện tử khác: tem điện tử, vé điện tử, thẻ điện tử, phiếu thu điện tử
- Chứng từ điện tử được sử dụng và quản lý như hóa đơn: Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử, phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý điện tử

(K.2 Điều 89 Luật Quản lý thuế 2019; Điều 8 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP; K.1 Đ.4 Thông tư 78/2021/TT-BTC)



2. KHÁI NIỆM, HÌNH THỨC, LOẠI HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

2.3. Loại hóa đơn điện tử (tt):

- **Hóa đơn giá trị gia tăng:** dành cho tổ chức khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ sử dụng cho các hoạt động:
 - a) Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong nội địa;
 - b) Hoạt động vận tải quốc tế;
 - c) Xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu;
 - d) Xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài



2. KHÁI NIỆM, HÌNH THỨC, LOẠI HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

2.3. Loại hóa đơn điện tử (tt):

- **Hóa đơn bán hàng:** dành cho tổ chức, cá nhân như sau
 - a) Tổ chức, cá nhân khai, tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp sử dụng cho các hoạt động:
 - Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong nội địa;
 - Hoạt động vận tải quốc tế;
 - Xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu;
 - Xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài;
 - b) Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ vào nội địa và khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa các tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan với nhau, xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài, trên hóa đơn ghi rõ “Dành cho tổ chức, cá nhân trong *khu phi thuế quan*”



3. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

3.1. Đối tượng áp dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế:

5 nhóm đối tượng:

- a) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trừ trường hợp thuộc đối tượng áp dụng hóa đơn không có mã của cơ quan thuế (*k.1 Đ.91 Luật Quản lý thuế 2019*)
- b) Doanh nghiệp thuộc đối tượng đang sử dụng hoá đơn điện tử không mã có nhu cầu chuyển đổi sử dụng hoá đơn điện tử có mã của cơ quan thuế (*k.1 Đ.5 Thông tư 78/2021/TT-BTC*)



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

3. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

3.1. Đối tượng áp dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế (tt):

c) Doanh nghiệp rủi ro cao về thuế

Người nộp thuế thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã nếu thuộc trường hợp được xác định rủi ro cao về thuế; và Được cơ quan thuế thông báo về việc chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

→ phải thực hiện chuyển đổi sang áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế trong thời gian 10 ngày làm việc (k.2 Đ.5 Thông tư 78/2021/TT-BTC)



3. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

3.1. Đối tượng áp dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế (tt):

d) Hộ, cá nhân kinh doanh

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp thực hiện chế độ kế toán và nộp thuế theo phương pháp kê khai phải sử dụng HĐĐT;
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán nếu có yêu cầu sử dụng hóa đơn thì cơ quan thuế cấp lẻ hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh;
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khai thuế theo từng lần phát sinh nếu có yêu cầu sử dụng hóa đơn thì cơ quan thuế cấp lẻ hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh.

(k.3, 4 Đ.91 Luật Quản lý thuế 2019, k.2 Đ.13 Nghị định 123/2020/NĐ-CP; K.2 Đ.6 Thông tư 78/2021/TT-BTC)



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

3. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

3.1. Đối tượng áp dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế (tt):

e) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác thuộc trường hợp được cơ quan thuế chấp nhận cấp hóa đơn điện tử có mã theo từng lần phát sinh để giao cho khách hàng

*(K. 4 Điều 91 Luật Quản lý thuế 2019;
k. 2 Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)*



3. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

3.2. Đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế:
Sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (trừ trường hợp rủi ro về thuế cao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và trường hợp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế) đối với:

a) **Doanh nghiệp kinh doanh ở 15 lĩnh vực:** điện lực, xăng dầu, bưu chính viễn thông, nước sạch, tài chính tín dụng, bảo hiểm, y tế, kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh siêu thị, thương mại, vận tải hàng không, đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy;

(k.2 Đ.91 Luật Quản lý thuế 2019)



3. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

3.2. Đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế (tt):

b) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã hoặc sẽ thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, có hệ thống phần mềm kế toán, phần mềm lập hóa đơn điện tử đáp ứng lập, tra cứu hóa đơn điện tử, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định và bảo đảm việc truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đến người mua và đến cơ quan thuế

(k.2 Đ.91 Luật Quản lý thuế 2019)



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

3. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

3.2. Đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế (tt):

c) Doanh nghiệp thuộc trường hợp rủi ro cao về thuế chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế nhưng sau 12 tháng kể từ thời điểm chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, nếu người nộp thuế có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử không có mã

(k.2 Đ.5 Thông tư 78/2021/TT-BTC)



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

4. ĐĂNG KÝ, THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

4.1. Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

Trước khi sử dụng hóa đơn, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh không thuộc đối tượng ngừng sử dụng hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử **thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử** (áp dụng cả đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế)

Trừ 02 trường hợp: (1) sử dụng hóa đơn có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ; và (2) tổ chức kết nối chuyển dữ liệu HĐĐT theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế)

(K.1 Đ.15 Nghị định 123/2020/NĐ-CP)



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

4. ĐĂNG KÝ, THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

4.1. Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (tt)

- Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế **không phải trả tiền dịch vụ** thì có thể đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử **thông qua Cổng thông tin điện tử** của Tổng cục Thuế **hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử** được Tổng cục Thuế ủy thác cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ
- Trường hợp doanh nghiệp là **tổ chức kết nối chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử** theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử **thông qua Cổng thông tin điện tử** của Tổng cục Thuế *(k.1 Đ.15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)*



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

4. ĐĂNG KÝ, THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

4.2. Phản hồi của cơ quan thuế

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông báo điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử hoặc gửi thông báo điện tử trực tiếp đến doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

(k.2 Đ.15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

4. ĐĂNG KÝ, THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

4.3. Chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

Kể từ thời điểm cơ quan thuế chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh phải **ngừng sử dụng** hóa đơn điện tử đã thông báo phát hành theo các quy định trước đây, **tiêu hủy** hóa đơn giấy đã thông báo phát hành nhưng chưa sử dụng (nếu có)

(k.2 Đ.15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

4. ĐĂNG KÝ, THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

4.4. Thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

Trường hợp có thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện thay đổi thông tin và gửi lại cơ quan thuế theo Mẫu số 01/ĐKTĐ- HĐĐT trừ trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Mẫu số 01/ĐKTĐ- HĐĐT về thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông báo điện tử về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận việc thay đổi thông tin đăng ký

(k.2, k.4 Đ.15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



5. LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

5.1. Nguyên tắc lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ 3 nguyên tắc

- Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua;
- Phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP;
- Phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (k.1 Đ.4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



5. LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

5.2. Lập hóa đơn có mã của cơ quan thuế

a) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng thuộc đối tượng áp dụng hóa đơn có mã **nếu truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế** để lập hóa đơn thì sử dụng tài khoản đã được cấp khi đăng ký để thực hiện:

- Lập hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Ký số trên các hóa đơn đã lập và gửi hóa đơn để cơ quan thuế cấp mã

(k.1 Đ.17 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



5. LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

5.2. Lập hóa đơn có mã của cơ quan thuế (tt):

b) Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế **thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử** thì truy cập vào trang thông tin điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử hoặc sử dụng phần mềm hóa đơn điện tử của đơn vị để thực hiện:

- Lập hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Ký số trên các hóa đơn đã lập và gửi hóa đơn qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để cơ quan thuế cấp mã các hóa đơn đã lập và gửi hóa đơn để cơ quan thuế cấp mã

(k.1 Đ.17 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



5. LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

5.3. Lập hóa đơn không có mã của cơ quan thuế:

- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sau khi nhận được thông báo chấp nhận của cơ quan thuế.
- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng phần mềm để lập hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, ký số trên hóa đơn điện tử và gửi cho người mua bằng phương thức điện tử theo thỏa thuận giữa người bán và người mua, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

(Điều 18 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



5. LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

5.4. Thời điểm lập hóa đơn:

- **Đối với bán hàng hóa:** là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
- **Đối với cung cấp dịch vụ:** là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (**không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng** để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng)

(Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



5. LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

5.4. Thời điểm lập hóa đơn (tt):

- Đối với trường hợp giao hàng nhiều lần hoặc bàn giao từng hạng mục, công đoạn dịch vụ thì mỗi lần giao hàng hoặc bàn giao đều phải lập hóa đơn cho khối lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ được giao tương ứng
- Thời điểm lập hóa đơn đối với 14 trường hợp cụ thể (Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



5. LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

5.4. Thời điểm lập hóa đơn (tt)

Trường hợp cung cấp **dịch vụ ngân hàng** ngày lập hóa đơn **thực hiện định kỳ** theo hợp đồng giữa hai bên kèm bảng kê hoặc chứng từ khác có xác nhận của hai bên, nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ;

Trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát dữ liệu giữa ngân hàng và các bên thứ ba có liên quan (tổ chức thanh toán, tổ chức thẻ quốc tế hoặc các tổ chức khác), thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 10 của tháng sau tháng phát sinh

(K.3 Đ.6 Thông tư số 78/2021/TT-BTC)



5. LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

5.5. Nội dung hóa đơn

- Tên hóa đơn: là tên của từng loại hóa đơn quy định tại Điều 8 Nghị định này được thể hiện trên mỗi hóa đơn, như: HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG, HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIÊM TỜ KHAI HOÀN THUẾ, HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIÊM PHIẾU THU, HÓA ĐƠN BÁN HÀNG, HÓA ĐƠN BÁN TÀI SẢN CÔNG, TEM, VÉ, THẺ, HÓA ĐƠN BÁN HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA.
- Ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn điện tử
- Số hóa đơn
- Tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán
- Tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua

...

(Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP; Đ.4 Thông tư số 78/2021/TT-BTC)



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

5. LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

5.5.1. Chỉ tiêu Ký hiệu mẫu số, ký hiệu hóa đơn điện tử: 7 ký tự

1C22TYY

| 1 | C | 22 | T | YY |
|-----------------------|--------------------------------|---------------|------------------|--------------------------------------------|
| | C/K | Năm phát hành | Loại mẫu hóa đơn | Người bán tự xác định theo nhu cầu quản lý |
| Ký hiệu mẫu số | Ký hiệu hóa đơn điện tử | | | |



5.5.1. Chỉ tiêu Ký hiệu mẫu số, ký hiệu hóa đơn điện tử:

1 C22TYY

Ký hiệu mẫu số:

- Số 1: Phản ánh loại hóa đơn điện tử giá trị gia tăng;
- Số 2: Phản ánh loại hóa đơn điện tử bán hàng;
- Số 3: Phản ánh loại hóa đơn điện tử bán tài sản công;
- Số 4: Phản ánh loại hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia;
- Số 5: Phản ánh các loại hóa đơn điện tử khác là tem điện tử, vé điện tử, thẻ điện tử, phiếu thu điện tử hoặc các chứng từ điện tử có tên gọi khác
- Số 6: Phản ánh các chứng từ điện tử được sử dụng và quản lý như hóa đơn gồm phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử, phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý



5.5.1. Chỉ tiêu Ký hiệu mẫu số, ký hiệu hóa đơn điện tử:

1 C 22 T YY

- **C:** Có mã của CQT
- **K:** Không có mã của CQT

2 số cuối của năm phát hành

- **T:** Áp dụng đối với hóa đơn điện tử do các doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng với cơ quan thuế;
- **D:** Áp dụng đối với hóa đơn bán tài sản công và hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia hoặc hóa đơn điện tử đặc thù không nhất thiết phải có một số tiêu thức do cá doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng;
- **L:** Áp dụng đối với hóa đơn điện tử của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh;
- **M:** Áp dụng đối với hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền;
- **N:** Áp dụng đối với phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử;
- **B:** Áp dụng đối với phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý điện tử;
- **G:** Áp dụng đối với tem, vé, thẻ điện tử là hóa đơn giá trị gia tăng;
- **H:** Áp dụng đối với tem, vé, thẻ điện tử là hóa đơn bán hàng.

Người bán tự đặt theo yêu cầu quản lý nếu muốn hoặc để YY.



5. LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

5.5.2. Chỉ tiêu số lượng hàng hóa, dịch vụ

Người bán ghi số lượng bằng chữ số Ả-rập căn cứ theo đơn vị tính nêu trên.

Các loại hàng hóa, dịch vụ đặc thù như điện, nước, dịch vụ viễn thông, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ truyền hình, dịch vụ bưu chính chuyển phát, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm được bán theo kỳ nhất định thì trên hóa đơn phải ghi cụ thể kỳ cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Đối với các dịch vụ xuất theo kỳ phát sinh, được sử dụng bảng kê để liệt kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn; bảng kê được lưu giữ cùng hóa đơn để phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu của các cơ quan có thẩm quyền.



5. LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

5.5.3. Chỉ tiêu thời điểm lập hóa đơn, thời điểm ký số trên HĐĐT

- Thời điểm lập hóa đơn thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm của năm dương lịch.
- Thời điểm ký số trên hóa đơn điện tử là thời điểm người bán, người mua sử dụng chữ ký số để ký trên hóa đơn điện tử được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm của năm dương lịch. Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập có **thời điểm ký số trên hóa đơn khác thời điểm lập hóa đơn** thì thời điểm khai thuế là thời điểm lập hóa đơn



5. LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

5.5.4. Một số trường hợp hóa đơn điện tử không nhất thiết có đầy đủ các nội dung:

- Trên hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có chữ ký điện tử của người **mua** (bao gồm cả trường hợp lập hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng ở nước ngoài).
- Đối với **hóa đơn điện tử của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh** không nhất thiết phải có chữ ký số của người bán, người mua
- Đối với hóa đơn điện tử **bán hàng tại siêu thị, trung tâm thương mại mà người mua là cá nhân không kinh doanh** thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có tên, địa chỉ, mã số thuế người mua.

(K.14 Đ.10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



5. LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

5.5.4. Một số trường hợp hóa đơn điện tử không nhất thiết có đầy đủ các nội dung (tt):

- Đối với hóa đơn điện tử **bán xăng đầu** cho khách hàng là cá nhân không kinh doanh thì không nhất thiết phải có các chỉ tiêu tên hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn; tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua, chữ ký điện tử của người mua; chữ ký số, chữ ký điện tử của người bán, thuế suất thuế giá trị gia tăng.
- Đối với hóa đơn điện tử là **tem, vé, thẻ** thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có chữ ký số của người bán (trừ trường hợp tem, vé, thẻ là hóa đơn điện tử do cơ quan thuế cấp mã), tiêu thức người mua (tên, địa chỉ, mã số thuế), tiền thuế, thuế suất thuế giá trị gia tăng. Trường hợp tem, vé, thẻ điện tử có sẵn mệnh giá thì không nhất thiết phải có tiêu thức đơn vị tính, số lượng, đơn giá



5. LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

5.5.4. Một số trường hợp hóa đơn điện tử không nhất thiết có đầy đủ các nội dung (tt):

- Đối với hóa đơn của hoạt động xây dựng, lắp đặt; hoạt động xây nhà để bán có thu tiền theo tiến độ theo hợp đồng thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có đơn vị tính, số lượng, đơn giá.
- Một số trường hợp khác theo quy định tại K.14 Đ.10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP



5. LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

5.6. Ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử:

Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác được quyền ủy nhiệm cho **bên thứ ba là bên có quan hệ liên kết với người bán**, là đối tượng đủ điều kiện sử dụng hoá đơn điện tử và không thuộc trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP để lập hóa đơn điện tử cho hoạt động bán hàng hoá, dịch vụ. Quan hệ liên kết được xác định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

(K.7 Đ.4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Đ.3 Thông tư số 78/2021/TT-BTC)



5. LẬP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

5.7. Chuyển đổi hóa đơn điện tử đã lập thành hóa đơn giấy:

- Hóa đơn điện tử hợp pháp được chuyển đổi thành hóa đơn, chứng từ giấy khi có yêu cầu nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế, cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, điều tra và theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và điều tra
- Hóa đơn điện tử được chuyển đổi thành hóa đơn giấy thì hóa đơn, chứng từ giấy chỉ có giá trị lưu giữ để ghi sổ, theo dõi theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về giao dịch điện tử, không có hiệu lực để giao dịch, thanh toán, trừ trường hợp hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế

(Đ.7 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



6. CHUYỂN DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

6.1. Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế:

- **Đến cơ quan thuế:** Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thực hiện chuyển dữ liệu khi tạo lập hóa đơn điện tử về bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ để gửi đến cơ quan thuế cấp mã
- **Đến người mua:** Người bán hàng hóa, dịch vụ gửi hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế đến người mua ngay sau khi nhận được hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế
(Đ.21 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



6. CHUYỂN DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

6.2. Hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế:

6.2.1. Chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế

a) Phương thức chuyển dữ liệu HĐĐT theo **Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử** cùng thời hạn cùng thời hạn nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng

Đối tượng:

- Cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực: bưu chính viễn thông, bảo hiểm, tài chính ngân hàng, vận tải hàng không, chứng khoán.
- Bán hàng hóa là điện, nước sạch nếu có thông tin về mã khách hàng hoặc mã số thuế của khách hàng.

(k.3 Đ.22 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



6. CHUYỂN DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

6.2. Hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế:

6.2.1. Chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế

a) Phương thức chuyển dữ liệu HĐĐT theo **Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử** cùng thời hạn cùng thời hạn nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng (tt)

Riêng đối với trường hợp bán xăng dầu cho khách hàng thì người bán tổng hợp dữ liệu tất cả các hóa đơn bán xăng dầu trong ngày theo từng mặt hàng để thể hiện trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử và chuyển bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử này ngay trong ngày

(k.3 Đ.22 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



6. CHUYỂN DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

6.2. Hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế:

6.2.1. Chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế

b) Phương thức chuyển đầy đủ nội dung hóa đơn áp dụng đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không thuộc các trường hợp nêu trên

Gửi hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế chậm nhất trong cùng ngày gửi cho người mua

(k.3 Đ.22 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP; k.1 Đ.6 Thông tư số 78/2020/TT-BTC)



6. CHUYỂN DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

6.2. Hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế:

6.2.2. Chuyển dữ liệu đến người mua

Người bán sau khi lập đầy đủ các nội dung trên hóa đơn gửi hóa đơn cho người mua

(k.3 Đ.22 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP; k.1 Đ.6 Thông tư số 78/2020/TT-BTC)



6. CHUYỂN DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

6.3. Định dạng và hình thức gửi HĐĐT đến cơ quan thuế:

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thực hiện chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của Tổng cục Thuế **bằng hình thức gửi trực tiếp** (đối với trường hợp đáp ứng yêu cầu về chuẩn kết nối dữ liệu) hoặc **gửi thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử**

(k.3 Đ.22 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

NGƯỜI BÁN LẬP HĐĐT CÓ MÃ, CHƯA GỬI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN PHÁT HIỆN SAI SÓT (Khoản 1)

- Thông báo CQT theo [Mẫu 04/SS-HĐĐT](#) Phụ lục IA NĐ123/2020, hủy HĐĐT sai;
- Lập HĐĐT mới, ký số, gửi CQT để được cấp mã;
- CQT thực hiện hủy HĐĐT sai sót để lưu trên hệ thống của CQT.

7. XỬ LÝ SAI SÓT

Tại Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định:

NGƯỜI BÁN LẬP HĐĐT CÓ MÃ HOẶC KHÔNG CÓ MÃ GỬI CQT, ĐÃ GỬI CHO NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN/MUA PHÁT HIỆN SAI SÓT (Khoản 2)

- Chỉ sai sót **tên, địa chỉ** thì người bán thông báo cho người mua, không phải lập lại hóa đơn và thông báo cho CQT theo Mẫu 04/SS-HĐĐT (**trừ TH HĐĐT không có mã chưa gửi dữ liệu cho CQT**)
- Sai MST; số tiền, thuế suất, tiền thuế, quy cách, chất lượng HHDV thì người bán **lựa chọn 1 trong 2 cách**:
 - 1/ Lập HĐĐT điều chỉnh (ghi rõ tại HĐĐT điều chỉnh dòng chữ: “Điều chỉnh cho HĐĐT số ... ngày ... tháng ... năm...”);
 - 2/ Lập HĐĐT thay thế (Ghi rõ tại HĐĐT thay thế dòng chữ: “Thay thế ...”);
- Thông báo cho CQT theo Mẫu 04/SS-HĐĐT.
- Lập biên bản ghi rõ sai sót (nếu có thỏa thuận lập Biên bản **trước khi** lập hóa đơn điều chỉnh/thay thế).
- Đối với ngành hàng không, HĐĐT đổi và hoàn chứng từ vận chuyển được coi là Điều chỉnh mà không cần ghi Điều chỉnh. DN vận chuyển hàng không được phép xuất hóa đơn của mình cho các trường hợp hoàn, đổi chứng từ vận chuyển **do đại lý xuất**.

HĐĐT CÓ MÃ HOẶC KHÔNG CÓ MÃ CỦA CQT, CQT PHÁT HIỆN RA SAI SÓT (Khoản 3)

- CQT ra Thông báo [Mẫu số 01/TB-RSĐT](#) Phụ lục IB cho người bán để kiểm tra sai sót;
- Người bán lập Thông báo Mẫu 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA gửi CQT theo thời hạn CQT thông báo.
- Trường hợp quá thời hạn ghi trên Thông báo rà soát Mẫu 01/TB-RSĐT CQT gửi **02 lần** mà người bán không phản hồi CQT bằng TB mẫu 04/SS-HĐĐT thì CQT chuyển sang **trường hợp kiểm tra về sử dụng hóa đơn**.



7. XỬ LÝ SAI SÓT

Xử lý hóa đơn điện tử, bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế có sai sót trong một số trường hợp (Điều 7 Thông tư số 78/2021/TT-BTC)

Trường hợp có sai sót, người bán:



- Được lựa chọn Thông báo điều chỉnh **từng** hóa đơn hoặc **nhiều** hóa đơn đối với HĐĐT đã lập có sai sót phải cấp lại mã hoặc cần xử lý theo hình thức điều chỉnh hoặc thay thế. Thông báo gửi đến CQT **chậm nhất ngày cuối cùng** của kỳ kê khai thuế GTGT phát sinh hóa đơn điều chỉnh.
- Sau khi điều chỉnh hoặc thay thế, nếu tiếp tục sai sót lần tiếp theo thì xử lý như sai sót lần đầu.
- Trường hợp chỉ tiêu **Giá trị** trên HĐĐT bị sai, lập HĐĐT điều chỉnh, nếu điều chỉnh tăng (**ghi +**), điều chỉnh giảm (**ghi -**).

(Thông báo đến CQT theo **Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA NĐ 123/2020/NĐ-CP**).



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

7. XỬ LÝ SAI SÓT

Xử lý hóa đơn điện tử, bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử **đã gửi cơ quan thuế** có sai sót trong một số trường hợp (tt)
(Điều 7 Thông tư số 78/2021/TT-BTC)

ĐỐI VỚI BẢNG TỔNG HỢP DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ

- Phát hiện thiếu dữ liệu thì gửi bổ sung.
- Sai sót thì gửi thông tin điều chỉnh cho các thông tin đã kê khai.

HỦY HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ VÀ THÔNG BÁO ĐẾN CQT

- Người bán lập hóa đơn thu tiền về trước hoặc trong khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ mà phát sinh hủy hoặc chấm dứt cung cấp HHDV.

CHỈ THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH (KHÔNG THỰC HIỆN HỦY/THAY THẾ)

- HĐĐT được lập thuộc TH không có ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn theo quy định có sai sót

Việc kê khai bổ sung hồ sơ đối với HĐĐT điều chỉnh/thay thế/hủy thực hiện theo quy định của pháp luật Quản lý thuế



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

8. HIỆU LỰC THI HÀNH, XỬ LÝ CHUYỂN TIẾP

Từ tháng 11/2021

Triển khai áp dụng HĐĐT tại 06 tỉnh, thành Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Phú Thọ, Bình Định

Tại TP.HCM thực hiện theo Quyết định số 1832/QĐ-BTC ngày 20/9/2021 của Bộ Tài chính

Ngày 01/07/2022

LUẬT
QUẢN LÝ THUẾ 2019

NGHỊ ĐỊNH
123/2020/NĐ-CP

THÔNG TƯ
78/2021/TT-BTC

QUYẾT ĐỊNH
1832/QĐ-BTC

Hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2022, khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Luật Quản lý thuế 2019, Nghị định 123/2020/NĐ-CP, Thông tư 78/2021/TT-BTC trước ngày 01/7/2022

Đối với các địa bàn **đã đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng** để triển khai hóa đơn điện tử theo Quyết định của Bộ Tài chính thì có trách nhiệm chuyển đổi để áp dụng hóa đơn điện tử theo lộ trình thông báo của cơ quan thuế (Điều 11 Thông tư 78/2021/TT-BTC)



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

8. HIỆU LỰC THI HÀNH, XỬ LÝ CHUYỂN TIẾP

| TRƯỜNG HỢP | XỬ LÝ CHUYỂN TIẾP |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| CQT thông báo cơ sở kinh doanh chuyển đổi áp dụng HĐĐT theo ND 123/2020/NĐ-CP, nếu cơ sở kinh doanh chưa đáp ứng điều kiện hạ tầng công nghệ | Cơ sở kinh doanh được tiếp tục sử dụng hóa đơn đang sử dụng đến hết ngày 30/6/2022, thực hiện gửi dữ liệu về CQT theo Mẫu số 03/DL-HĐĐT Phụ lục IA Nghị định số 123/2020/NĐ-CP + Nộp tờ khai thuế GTGT. <i>(k.1 Đ.60 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, k.1 Đ.12 Thông tư số 78/2021/TT-BTC)</i> |
| Cơ sở kinh doanh mới thành lập giai đoạn đến ngày 30/6/2022, cơ quan thuế thông báo áp dụng HĐĐT theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP | Cơ sở kinh doanh thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan thuế. Trường hợp chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin mà tiếp tục sử dụng hóa đơn theo quy định tại các Nghị định: số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thì thực hiện như các cơ sở kinh doanh nêu tại điểm trên |

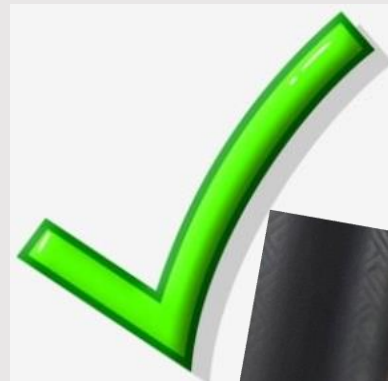


8. HIỆU LỰC THI HÀNH, XỬ LÝ CHUYỂN TIẾP

| TRƯỜNG HỢP | XỬ LÝ CHUYỂN TIẾP |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Kể từ thời điểm doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Thông tư 78/2021/TT-BTC, nếu phát hiện hóa đơn đã lập theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP mà hóa đơn này có sai sót</p> | <ol style="list-style-type: none">1. Người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót;2. Người bán thực hiện thông báo với CQT theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.3. Lập hóa đơn hóa đơn điện tử mới (HĐĐT có mã/ HĐĐT không có mã) thay thế cho hóa đơn đã lập có sai sót. Hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập có sai sót phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”. Người bán ký số trên hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn đã lập có sai sót (hóa đơn lập theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP) để gửi cho:<ul style="list-style-type: none">+ Người mua (trường hợp sử dụng HĐĐT không có mã);+ Hoặc CQT để được cấp mã cho HĐĐT thay thế hóa đơn đã lập (trường hợp sử dụng HĐĐT có mã của CQT). |

DỪNG HÓA ĐƠN GIẤY

Đầu đội sổ sách/Vai mang chứng từ



DỪNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

CHÂN THÀNH CẢM ƠN!